



QUYẾT ĐỊNH

Về việc Công nhận tốt nghiệp và cấp bằng tốt nghiệp cho sinh viên
trình độ Cao đẳng - Đợt 1-Tháng 03/2023

GIÁM ĐỐC HỌC VIỆN HÀNG KHÔNG VIỆT NAM

Căn cứ Luật Giáo dục ngày 14 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ Quyết định số 168/2006/QĐ-TTg, ngày 17/07/2006 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Học viện Hàng không Việt Nam;

Căn cứ Quyết định số 49/QĐ-HĐHV, ngày 08/08/2022 của Chủ tịch Hội đồng Học viện Hàng không Việt Nam về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Học viện Hàng không Việt Nam;

Căn cứ Thông tư số 09/2017/TT-BLĐTBXH ngày 13/03/2017 về việc quy định việc tổ chức thực hiện chương trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng theo niên chế hoặc theo phương thức tích lũy mô-đun hoặc tín chỉ;

Căn cứ Quyết định số 1266/QĐ-HVHKVN-ĐT ngày 29/12/2017 của Giám đốc Học viện Hàng không Việt Nam về việc ban hành Quy chế đào tạo theo phương thức tích lũy mô-đun hoặc tín chỉ;

Căn cứ Quyết định số 829/QĐ-HVHKVN ngày 23/09/2019 của Giám đốc Học viện Hàng không Việt Nam về việc ban hành quy định về công nhận kết quả miễn, chuyển điểm học phần tại Học viện Hàng không Việt Nam;

Căn cứ biên bản xét tốt nghiệp ngày 27 tháng 03 năm 2023 của Hội đồng xét tốt nghiệp;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Đào tạo,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công nhận và cấp 10 (Mười) bằng Cử nhân thực hành Dịch vụ thương mại hàng không, 10 (Mười) bằng Cử nhân thực hành Kiểm tra an ninh hàng không, 09 (Chín) bằng Kỹ sư thực hành Kỹ thuật bảo dưỡng cơ khí tàu bay; 01 (Một) bằng Kỹ sư thực hành Công nghệ kỹ thuật điện tử, truyền thông, 06 (Sáu) bằng Kỹ sư thực hành Kiểm soát không lưu cho các sinh viên tốt nghiệp trình độ Cao đẳng - Đợt 1-Tháng 03/2023 (Theo danh sách đính kèm).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. Phòng Đào tạo, các Khoa, đơn vị có liên quan và các sinh viên có tên trong danh sách tại điều 1 chịu trách nhiệm thi hành quyết định này.

Nơi nhận: *[Signature]*

-Như điều 2;

-Lưu VT,ĐT

[Red circular stamp: BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI, HỌC VIỆN HÀNG KHÔNG VIỆT NAM]
KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC
[Signature]
TS. Nguyễn Thanh Dũng



**DANH SÁCH SINH VIÊN ĐƯỢC CÔNG NHẬN VÀ CẤP BẰNG TỐT NGHIỆP
TRÌNH ĐỘ CAO ĐẲNG - ĐỢT 1-Tháng 03/2023**

(Đính kèm quyết định số: 276 /QĐ-HVHKVN ngày 27/03/2023)

Số TT	Mã SV	Họ và Tên		Ngày sinh	Lớp học	Điểm TN	Xếp loại	Ghi chú
1	1913120023	Trần Quốc	Long	22/04/2000	19CĐĐV01- Công nghệ KT điện tử, truyền thông-CD - 1312	2.31	Trung bình	Công nghệ KT điện tử, truyền thông-CD
2	1811150049	Nguyễn Thuỵ Thanh	Ngọc	18/05/2000	18CĐTM01- Dịch vụ thương mại Hàng không	2.42	Trung bình	Dịch vụ thương mại hàng không
3	1811150060	Nhữ Thị Như	Quỳnh	17/07/2000	18CĐTM02- Dịch vụ thương mại Hàng không	2.56	Khá	Dịch vụ thương mại hàng không
4	1811150115	Trương Dương Ngọc	Hiền	01/01/2000	18CĐTM03- Dịch vụ thương mại Hàng không	2.47	Trung bình	Dịch vụ thương mại hàng không
5	1811150125	Tạ Thị Mỹ	Linh	23/10/2000	18CĐTM03- Dịch vụ thương mại Hàng không	2.56	Khá	Dịch vụ thương mại hàng không
6	1911150016	Nguyễn Thị Bích	Diễm	11/02/2001	19CĐTM01- Dịch vụ thương mại Hàng không	2.93	Khá	Dịch vụ thương mại hàng không
7	1911150032	Vũ Minh Tâm	Như	21/08/2000	19CĐTM01- Dịch vụ thương mại Hàng không	2.51	Khá	Dịch vụ thương mại hàng không
8	1911150011	Bùi Thị Kim	Yến	22/08/2001	19CĐTM01- Dịch vụ thương mại Hàng không	2.51	Khá	Dịch vụ thương mại hàng không
9	1911150063	Lê Thuý	An	01/01/2001	19CĐTM02- Dịch vụ thương mại Hàng không	3.2	Giỏi	Dịch vụ thương mại hàng không
10	1911150095	Phạm Tuyết	Vĩ	22/09/2001	19CĐTM02- Dịch vụ thương mại Hàng không	2.3	Trung bình	Dịch vụ thương mại hàng không
11	1911150107	Trần Kim Lan	Anh	10/05/2000	19CĐTM03- Dịch vụ thương mại Hàng không	2.63	Khá	Dịch vụ thương mại hàng không
12	1811210043	Trần Quang	Minh	03/10/2000	18CĐKL01 - Kiểm soát không lưu - 1121	2.74	Khá	Kiểm soát không lưu
13	1811210041	Dương Thị Hồng	Thu	29/06/2000	18CĐKL01 - Kiểm soát không lưu - 1121	2.82	Khá	Kiểm soát không lưu



Số TT	Mã SV	Họ và Tên		Ngày sinh	Lớp học	Điểm TN	Xếp loại	Ghi chú
14	1811210036	Nguyễn Thị Mỹ	Tiên	17/01/2000	18CĐKL01 - Kiểm soát không lưu - 1121	2.54	Khá	Kiểm soát không lưu
15	1811210056	Nguyễn Thị Thùy	Trang	16/04/1997	18CĐKL01 - Kiểm soát không lưu - 1121	2.25	Trung bình	Kiểm soát không lưu
16	1811210053	Phạm Thị Tố	Uyên	20/02/1998	18CĐKL01 - Kiểm soát không lưu - 1121	2.59	Khá	Kiểm soát không lưu
17	1911210040	Mai Kim	Bảo	07/10/2001	19CĐKL01 - Kiểm soát không lưu - 1121	2.57	Khá	Kiểm soát không lưu
18	1811010014	Trần Bình	An	02/12/2000	18CĐAN01 - Kiểm tra an ninh hàng không - 1101	2.38	Trung bình	Kiểm tra an ninh hàng không
19	1811010001	Phạm Thành	Danh	20/01/2000	18CĐAN01 - Kiểm tra an ninh hàng không - 1101	2.51	Khá	Kiểm tra an ninh hàng không
20	1811010032	Phạm Trường	Giang	13/07/2000	18CĐAN01 - Kiểm tra an ninh hàng không - 1101	2.55	Khá	Kiểm tra an ninh hàng không
21	1811010025	Lê Thị Gia	Hạnh	02/05/2000	18CĐAN01 - Kiểm tra an ninh hàng không - 1101	2.31	Trung bình	Kiểm tra an ninh hàng không
22	1811010026	Nguyễn Thị	Mai	20/03/1998	18CĐAN01 - Kiểm tra an ninh hàng không - 1101	2.85	Khá	Kiểm tra an ninh hàng không
23	1811010008	Tạ Minh	Thắng	20/08/2000	18CĐAN01 - Kiểm tra an ninh hàng không - 1101	2.36	Trung bình	Kiểm tra an ninh hàng không
24	1811010018	Lê Hồng	Tiên	08/07/1999	18CĐAN01 - Kiểm tra an ninh hàng không - 1101	2.33	Trung bình	Kiểm tra an ninh hàng không
25	1811010030	Hà Ngô Xuân	Trung	26/02/2000	18CĐAN01 - Kiểm tra an ninh hàng không - 1101	2.43	Trung bình	Kiểm tra an ninh hàng không
26	1911010021	Lê Thái	Bình	27/03/1997	19CĐAN01 - Kiểm tra an ninh hàng không - 1101	3.1	Khá	Kiểm tra an ninh hàng không
27	1911010010	Hồ Văn	Vũ	14/01/1998	19CĐAN01 - Kiểm tra an ninh hàng không - 1101	2.35	Trung bình	Kiểm tra an ninh hàng không
28	1910000022	Huỳnh Phú	Cường	01/02/2001	19CĐCK01 - Kỹ thuật bảo dưỡng cơ khí tàu bay - 1102	2.1	Trung bình	Kỹ thuật bảo dưỡng cơ khí tàu bay
29	1910000013	Phạm Thành	Đạt	20/06/2001	19CĐCK01 - Kỹ thuật bảo dưỡng cơ khí tàu bay - 1102	2.24	Trung bình	Kỹ thuật bảo dưỡng cơ khí tàu bay
30	1910000010	Phan Tín	Hiếu	01/01/2001	19CĐCK01 - Kỹ thuật bảo dưỡng cơ khí tàu bay - 1102	2.25	Trung bình	Kỹ thuật bảo dưỡng cơ khí tàu bay

Số TT	Mã SV	Họ và Tên		Ngày sinh	Lớp học	Điểm TN	Xếp loại	Ghi chú
31	1910000025	Nguyễn Thanh	Hùng	27/08/2001	19CĐCK01 - Kỹ thuật bảo dưỡng cơ khí tàu bay - 1102	2.51	Khá	Kỹ thuật bảo dưỡng cơ khí tàu bay
32	1910000027	Cao Lê Thị Hồng	Thắm	03/06/2001	19CĐCK01 - Kỹ thuật bảo dưỡng cơ khí tàu bay - 1102	2.95	Khá	Kỹ thuật bảo dưỡng cơ khí tàu bay
33	1910000037	Tăng Thanh	Trúc	11/09/2001	19CĐCK01 - Kỹ thuật bảo dưỡng cơ khí tàu bay - 1102	2.89	Khá	Kỹ thuật bảo dưỡng cơ khí tàu bay
34	2010000004	Trần Ngọc	Thuận	02/02/2001	20CĐCK01 - Kỹ thuật bảo dưỡng cơ khí tàu bay - 1102	2.75	Khá	Kỹ thuật bảo dưỡng cơ khí tàu bay
35	2010000006	Lê Nguyễn Minh	Trung	20/08/1997	20CĐCK01 - Kỹ thuật bảo dưỡng cơ khí tàu bay - 1102	2.76	Khá	Kỹ thuật bảo dưỡng cơ khí tàu bay
36	2010000035	Nguyễn Kiên	Trung	04/02/1994	20CĐCK01 - Kỹ thuật bảo dưỡng cơ khí tàu bay - 1102	2.91	Khá	Kỹ thuật bảo dưỡng cơ khí tàu bay

Tổng cộng danh sách này có **36** sinh viên được công nhận tốt nghiệp.

